TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 142/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 27-7-2017.
V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ LỘC - TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Lâm.

Ông Trương Thành.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Đoàn Anh Nga - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Lộc.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Lộc, tỉnh thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Văn Lợi - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phú Lộc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 106/2017/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 5 năm 2017, về ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2017, giữa các đương sự.

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Bình Ph, sinh năm 1980. Cư trú tại: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Có mặt.

- *Bị đơn:* Chị Lê Thị Mỹ L, sinh năm 1987. Cư trú tại: Thôn T, xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Vắng mặt lần thứ hai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn đề ngày 31/5/2017 và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Bình P trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyễn Bình P và chị Lê Thị Mỹ L tự nguyện tìm hiểu, thương yêu nhau được một thời gian thì được gia đình tổ chức lễ cưới vào đầu năm 2006. Hai người tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế ngày 24/8/2006. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hợp nên thường xuyên cãi vả, xúc phạm nhau; vợ chồng không có tình cảm, không tôn trọng nhau, ai

muốn sống thế nào thì sống. Nay anh P xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu được ly hôn chị Lê Thị Mỹ L.

Về con chung: Anh Nguyễn Bình P trình bày vợ chồng có 01 người con chung là cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 05/10/2006. Nếu được ly hôn, anh P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con đủ 18 tuổi. Anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Bình P trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ nần gì của ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cho chị Lê Thị Mỹ L, nhưng trong thời hạn luật định chị L không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án và nhiều lần vắng mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải.

Tại biên bản xác minh ngày 04/7/2017, gia đình chị L trình bày đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án tống đạt cho chị L gồm: Thông báo về việc thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, gia đình đã giao lại toàn bộ các văn bản tố tụng nói trên cho chị L nhưng vì bận công việc làm ăn nên chị L không đến Tòa án được.

Bị đơn chị Lê Thị Mỹ L vắng mặt tại các phiên họp tiếp cận công khai chứng cứ, phiên hòa giải nên Tòa án không tiến hành lấy lời khai, không hòa giải được. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa ngày 21/7/2017, chị Lê Thị Mỹ L vắng mặt, Hội đồng xét xử hoãn phiên tòa, ấn định ngày mở lại phiên tòa 27/7/2017, đồng thời tống đạt quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập cho chị L nhưng tại phiên tòa hôm nay chị L tiếp tục vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định. Bị đơn chưa thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ tố tụng, không có mặt tại các phiên họp, phiên hòa giải, vắng mặt tại các phiên tòa làm ảnh hưởng đến tiến độ giải quyết vụ án.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự. Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bình P về việc xin ly hôn chị Lê Thị Mỹ L. Chấp nhận yêu cầu của anh P về việc nuôi con chung, giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 05/10/2006 cho anh P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét, thẩm tra tại phiên toà, nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo Điều 175, Điều 177 của Bộ luật tố tụng dân sự, việc tống đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nêu trên là hợp lệ nhưng bị đơn chị Lê Thị Mỹ L cố tình vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải nên Tòa án không thể tiến hành lấy lời khai và hòa giải được. Chị L vắng mặt tại các phiên tòa thể hiện sự bất hợp tác, trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tố tụng của mình. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào yêu cầu và tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để tiến hành giải quyết vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Bình P và chị Lê Thị Mỹ L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 24/8/2006 tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do đó, quan hệ hôn nhân giữa anh P, chị L là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình hai người không hợp nên thường xuyên cải vả, xúc phạm nhau, hai người không tôn trọng nhau, mỗi người có cách sống riêng. Tòa án đã nhiều lần thông báo mở phiên hòa giải về quan hệ hôn nhân của vợ chồng nhưng chị L đều vắng mặt, không tham gia phiên hòa giải chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Bình P.

[2.2] Về con chung: Anh Nguyễn Bình P yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 05/10/2006 cho đến khi đủ 18 tuổi. Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án chị L không có ý kiến gì về việc nuôi con, cháu T có nguyện vọng được ở với anh P nên cần chấp nhận yêu cầu của anh P về việc nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con, Hội đồng xét xử đã giải thích quy định của pháp luật về nghĩa vụ cấp dưỡng của người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn nhưng anh P không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh Nguyễn Bình P trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không nợ nần gì của ai, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] Về án phí: Anh Nguyễn Bình P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Nguyễn Bình P. Anh Nguyễn Bình P được ly hôn chị Lê Thị Mỹ L.

2. Về việc nuôi con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc Bảo T, sinh ngày 05/10/2006 cho anh Nguyễn Bình P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Chị Lê Thị Mỹ L không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Chị Lê Thị Mỹ L có quyền thăm nom con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh Nguyễn Bình P phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 001606 ngày 31/5/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Lộc, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh P đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh T.T-Huế;
- VKSND huyện Phú Lộc;
- Chi cục THADS huyện Phú Lộc;
- Đương sự;
- UBND xã L, huyện P, tỉnh T.T-Huế;
- Lưu hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phan Sang